TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/DS-ST
Ngày 17 - 5 - 2019
V/v tranh chấp Chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Minh Đón

Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thuận là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp Chia di sản thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1948;

Địa chỉ cư trú: thôn T H, xã Y P, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;

2. Bị đơn: Anh Đỗ Ngọc L (tên gọi khác Đỗ Xuân L), sinh năm 1975;

Địa chỉ cư trú: thôn T H, xã Y P, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1936;

Địa chỉ cư trú: thôn Đ V, xã N L, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;

3.2. Bà Đỗ Thị Đ, sinh năm 1952;

Địa chỉ cư trú: thôn B T, xã N L, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

3.3. Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1955;

Địa chỉ cư trú: thôn H M, xã H L, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;

3.4. Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1958;

Địa chỉ cư trú: Số xxx, tổ X Ấ Đ, xã T X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh;

3.5. Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1963;

Địa chỉ cư trú: Ấp B C, xã B Q, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai;

3.6. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1945;

3.7. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1952;

3.8. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1977;

3.9. Chị Nguyễn Thị Q1 (tên gọi khác Đỗ Thị Q1), sinh năm 1974;

3.10. Chị Đỗ Thị L1, sinh năm 1966;

3.11. Chị Đỗ Thị H2, sinh năm 1971;

3.12. Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1977;

3.13. Anh Đỗ Xuân H3, sinh năm 1978;

3.14. Anh Đỗ Xuân H4, sinh năm 1980;

3.15. Anh Đỗ Xuân H5, sinh năm 1983;

3.16. Chị Phạm Thị B1, sinh năm 1980;

3.17. Chị Phạm Thị D, sinh năm 1977;

3.18. Anh Đỗ Xuân H6, sinh năm 1986;

3.19. Bà Hà Thị L2 (tên gọi khác Nguyễn Thị L2), sinh năm 1959;

Đều địa chỉ cư trú: thôn T H, xã Y P, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;

3.20. Anh Đỗ Xuân N1, sinh năm 1974;

Địa chỉ cư trú: R' C x, xã P H, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng;

3.21. Chị Đỗ Thị D1, sinh năm 1969;

Địa chỉ cư trú: thôn C R x, xã P H, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng;

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị Đ, bà Đỗ Thị C, bà Đỗ Thị B và bà Đỗ Thị H:

Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1948;

Địa chỉ cư trú: thôn T H, xã Y P, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V, và chị Phạm Thị D:

Anh Đỗ Ngọc L (tên gọi khác Đỗ Xuân L), sinh năm 1975;

Địa chỉ cư trú: thôn T H, xã Y P, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị C: Bà Nguyễn Thu Hiền, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên;

4. Người làm chứng:

4.1. Ủy ban nhân dân xã Y P, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện: Ông Hoàng Hữu H7, Chủ tịch UBND xã Yên Phú;

4.2. Ông Hà Xuân H8, sinh năm 1967;

Địa chỉ cư trú: thôn Đ Q, xã Đ H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

Tại phiên tòa: bà S, bà C, bà Hiền có mặt; anh L, bà T, bà Đ, bà B, bà H, bà H1, bà V, bà L2, anh Q, chị Q1, chị L1, chị H2, chị N, anh H3, anh H4, H5, chị B1, chị D, anh H6, anh N1, chị D1, ông H7 và ông H8 đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 4 năm 2018 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn bà Đỗ Thị S trình bày: Bố mẹ bà là cụ Đỗ Xuân T1 và cụ Phạm Thị Đ1 có mười con chung là Đỗ Thị T, Đỗ Thị B, Đỗ Xuân K, Đỗ Thị S, Đỗ Xuân H9, Đỗ Thị Đ, Đỗ Thị C, Đỗ Xuân H10, Đỗ Thị B và Đỗ Thị H. Hai cụ không có con riêng, con nuôi. Cụ Phạm Thị Đ1 chết ngày 21 tháng 02 năm 1995 và cụ Đỗ Xuân T1 chết ngày 23 tháng 4 năm 1996 đều không có di chúc. Ông Đỗ Xuân K chết ngày 22 tháng 4 năm 1980, có vợ là bà Nguyễn Thị H1 và năm con là Đỗ Thị L1, Đỗ Thị D, Đỗ Xuân N, Đỗ Thị H2 và Đỗ Thị N1. Ông Đỗ Xuân H9 chết ngày 01 tháng 10 năm 2002, có vợ là bà Nguyễn Thị V và bốn con là Đỗ Xuân L, Đỗ Xuân H3, Đỗ Xuân H4 và Đỗ Xuân H5. Ông Đỗ Xuân H10 chết ngày 10 tháng 5 năm 1994, có vợ là bà Hà Thị L2 và một con là Đỗ Xuân H6 hiện đã bỏ đi khỏi địa phương không biết địa chỉ. Bà Đỗ Thị B chết ngày 28 tháng 5 năm 1996, có chồng đã chết và hai con là Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị Q1. Sau khi cụ Đỗ Xuân T1 và cụ Phạm Thị Đ1 chết anh chị em đã họp bàn thống nhất chia tài sản của hai cụ là nhà, đất ở nhưng hai tiêu chuẩn đất nông nghiệp của bố mẹ gồm đồng K 01 sào 03 thước và đồng C T 8 thước tám (347m^2) thửa đất số 3xx, tờ bản đồ số 0x do ông Đỗ Xuân H10 quản lý, sử dụng. Sau khi ông H9 chết thì anh Đỗ Xuân L, là con trai ông H9 quản lý, sử dụng toàn bộ số ruộng của hai cụ. Năm 2010 Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hai cụ ở đồng K và bồi thường số tiền 112.600.000 đồng nên giữa bà và các chị em với anh L đã xảy ra tranh chấp số tiền được đền bù. Do Tòa án xác định thời hiệu chia di sản thừa kế của bố mẹ bà đã hết nên năm 2011, Ủy ban nhân xã Y P đã giao anh L đã quản lý, sử dụng toàn số tiền gốc và tiền lãi là 115.978.000

đồng nhưng anh L chỉ nhận số tiền 90.978.000 đồng và để lại số tiền 25.000.000 đồng cho con ông H10 là Đỗ Xuân H6 nên Ủy ban nhân dân xã Y P đã giao số tiền 25.000.000 đồng cho bà quản lý. Anh L đã tự quản lý, sử dụng tài sản của cụ Đỗ Xuân T1 và cụ Phạm Thị Đ1 nên bà khởi kiện đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của bố mẹ là tiêu chuẩn ruộng tại đồng C T và số tiền đến bù đất nông nghiệp tại xứ đồng K 115.978.000 đồng để chị em gái bà được sử dụng tiêu chuẩn ruộng còn lại của bố mẹ, còn anh L được tiếp tục sử dụng số tiền 90.978.000 đồng đã quản lý từ năm 2010 và trả phần di sản của ông Đỗ Xuân K, ông Đỗ Xuân H10 cho các con của hai ông.

Bị đơn anh Đỗ Ngọc L (Đỗ Xuân L) khai: Ông bà nội anh là cụ Đỗ Xuân T1 và cụ Phạm Thị Đ1 không có con riêng, con nuôi và có mười con chung là bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị B, ông Đỗ Xuân K, bà Đỗ Thị S, ông Đỗ Xuân H9, bà Đỗ Thị Đ, bà Đỗ Thị C, ông Đỗ Xuân H10, bà Đỗ Thị B và bà Đỗ Thị H. Cụ Phạm Thị Đ1 chết năm 1995 và cụ Đỗ Xuân T1 chết năm 1996. Bà Đỗ Thị B chết năm 1996, có chồng đã chết và hai con là Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị Q1. Ông Đỗ Xuân K đã chết, ông K có vợ là bà Nguyễn Thị H1 và năm con là Đỗ Thị L1, Đỗ Thị D, Đỗ Xuân N, Đỗ Thị H2 và Đỗ Thị N1. Ông Đỗ Xuân H10 chết trước ông bà nội, có vợ là bà L2 và một con là Đỗ Xuân H6 nhưng hiện nay bà L2 và anh H6 đều không có tin tức, địa chỉ. Sau khi cụ Đỗ Xuân T1 và cụ Phạm Thị Đ1 chết các con đã họp chia nhà, đất ở của hai cụ, còn tiêu chuẩn ruộng nông nghiệp của hai cụ được chia tại đồng K và đồng C T do bố anh (ông Đỗ Xuân H9) quản lý, sử dụng khi còn sống, sau khi bố anh chết thì anh tiếp tục sử dụng. Năm 2010 Nhà nước thu hồi tiêu chuẩn ruộng của hai cụ ở đồng K và đền bù số tiền 112.600.000 đồng thì bà S đã có đơn tranh chấp chia thừa kế nhưng Tòa án không giải quyết vì hết thời hiệu khởi kiện nên Ủy ban nhân dân xã Y P đã giao anh quản lý số tiền đền bù cùng tiền lãi tổng cộng số tiền 115.978.000 đồng nhưng anh đã để lại số tiền 25.000.000 đồng nhờ Ủy ban xã quản lý để sau này giao lại cho anh H6 nên thực tế anh chỉ nhận số tiền 90.978.000 đồng. Anh tiếp tục quản lý, sử dụng số ruộng của hai cụ tại xứ đồng C T và có san lấp, tôn tạo thêm cụ thể là đã xây tường bao và trồng cây trên đất nhưng anh không có yêu cầu đề nghị gì. Trước khi chết ông nội anh (cụ Đỗ Xuân T1) đã có di chúc cho bố anh tiêu chuẩn đất nông nghiệp của ông bà nên anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản là đất nông nghiệp và số tiền được bồi thường đất nông nghiệp bị thu hồi của bà Đỗ Thị S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị Đ, bà Đỗ Thị B, bà Đỗ Thị C và bà Đỗ Thị H đều công nhận nội dung trình bày của bà Đỗ Thị S và đề nghị tặng cho phần di sản thừa kế được hưởng cho bà Đỗ Thị S nên đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Q1, là con bà Đỗ Thị B công nhận lời khai của bà Đỗ Thị S nhưng anh Q từ chối nhận di sản thừa kế và chị Q1 đề nghị được giao phần di sản được hưởng cho bà Đỗ Thị C.

Bà Nguyễn Thị H1 trình bày bà và ông Đỗ Xuân K có năm con là Đỗ Xuân N, Đỗ Thị D, Đỗ Thị H2, Đỗ Thị L và Đỗ Thị N1. Ông K chết năm 1980 không có di chúc, do bà không liên quan đến di sản của cụ T1 và cụ Đ1 nên không có yêu cầu đề nghị gì. Chị Đỗ Thị N1, chị Đỗ Thị L1, chị Đỗ Thị H2 và chị Đỗ Thị D đều không phản đối lời khai cùng các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn và đề nghị giao phần di sản được hưởng cho anh Đỗ Xuân N; anh Đỗ Xuân N đề nghị được hưởng phần di sản của bố anh là ông Đỗ Xuân K theo quy định.

Bà Nguyễn Thị V (vợ ông Đỗ Xuân H9) xác định vợ chồng có bốn con chung là Đỗ Xuân H3, Đỗ Xuân (Ngọc) L, Đỗ Xuân H4 và Đỗ Xuân H5. Cụ Phạm Thị Đ1 và cụ Đỗ Xuân T1 đã viết di chúc tặng cho vợ chồng bà đất nông nghiệp của hai cụ nên sau khi cụ T1 chết vợ chồng bà tiếp tục sử dụng ruộng của bố mẹ sau khi ông Đỗ Xuân H9 chết thì giao cho vợ chồng anh Đỗ Xuân H3, chị Phạm Thị B1 sử dụng khoảng 3 năm thì giao lại cho em là Đỗ Ngọc L sử dụng nên không yêu cầu được trả công trông nom, quản lý di sản và đề nghị giao phần di sản được hưởng theo quy định của pháp luật cho con là Đỗ Ngọc L.

Anh Đỗ Xuân H3, anh Đỗ Xuân H4 và anh Đỗ Xuân H5 đều không phản đối trình bày của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và xác định giao phần di sản được hưởng cho anh Đỗ Xuân L. Chị Phạm Thị B1, là vợ anh H3 công nhận năm 2005 vợ chồng đang sử dụng ruộng nên đoàn đo đạc đã kê khai, đăng ký tên của chị đối với diện tích đất nông nghiệp của cụ Đ1 và cụ T1 còn thực tế chị không có căn cứ gì để kê khai đăng ký đối với đất nông nghiệp của hai cụ. Sau đó đất nông nghiệp của hai cụ do anh L quản lý, sử dụng nên chị không còn liên quan gì do vậy chị không có yêu cầu đề nghị gì đối với công trông nom, quản lý di sản của cụ Đỗ Xuân T1 và cụ Phạm Thị Đ1.

Chị Phạm Thị D đã được thông báo tham gia tố tụng nhưng không trình bày ý kiến về vụ án và ủy quyền cho chồng là Đỗ Xuân L.

Ủy ban nhân dân xã Y P, huyện Yên Mỹ cung cấp: Cụ Đỗ Xuân T1 và cụ Phạm Thị Đ1 được chia hai tiêu chuẩn đất nông nghiệp thuộc thôn T H, xã Y P gồm đồng C Tr thửa số xx, tờ bản đồ số 1x, diện tích 347m^2 nay là thửa số 3xx, tờ bản đồ số 0x lập năm 2005, diện tích 369m^2 và đồng K thửa đất số 117, tờ bản đồ 16 diện tích 501m^2. Năm 2010 đất nông nghiệp của hai cụ tại đồng K bị thu hồi để xây dựng trường Hải Quan Việt Nam dẫn đến tranh chấp số tiền được đền bù là 112.600.000 đồng. Quá trình giải quyết anh L xuất trình văn bản xác định là di chúc của cụ Đỗ Xuân T cho bố anh (ông Đỗ Xuân H9) toàn bộ đất nông nghiệp nên không chấp nhận chia thừa kế mặc dù văn bản không có xác nhận của địa phương, không có người

làm chứng và Ủy ban nhân dân xã cũng đã giải thích và kết luận là di chúc không hợp pháp. Sau khi Tòa án không giải quyết tranh chấp chia thừa kế vì hết thời hiệu, ngày 19 tháng 7 năm 2011 Ủy ban nhân dân xã đã giao anh Đỗ Xuân L số tiền đền bù theo diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi của cụ Đỗ Xuân T1 và cụ Phạm Thị Đ1, cụ thể: tiền đền bù theo phương án 112.600.000 đồng, tiền lãi không kỳ hạn (14/9/2010) là 3.378.000 đồng, tổng số tiền anh L được nhận 115.978.000 đồng. Anh L để lại cho anh Đỗ Xuân H6 con ông Đỗ Xuân H10 số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và đề nghị Ủy ban xã giao trực tiếp cho anh H6 có sự chứng kiến của anh L, hoặc người nhà anh H6 có sự chứng kiến của trưởng thôn nên anh L chỉ nhận số tiền là 90.978.000 đồng. Ngày 28 tháng 7 năm 2011 anh L đã cam kết sau khi nhận số tiền Ủy ban nhân dân xã giao sẽ chấp hành quyết định khác đối với số tiền đã nhận 90.978.000 đồng. Số tiền 25.000.000 đồng anh L đề nghị Ủy ban nhân dân xã quản lý để giao cho anh Đỗ Xuân H6 cùng năm 2011 Ủy ban nhân dân xã đã giao cho bà Đỗ Thị S. Tiêu chuẩn ruộng của cụ Đỗ Xuân T1 và cụ Phạm Thị Đ1 tại đồng C T, thôn T H trên bản đồ đo đạc năm 2005 có diện tích 369,2m^2 là do đo bằng máy nên độ chính xác cao hơn trước đây đo thủ công nên đây là diện tích đất hợp pháp nhưng diện tích đất được công nhận của hai cụ chỉ là tiêu chuẩn được giao theo quy định là 347m^2.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được sử dụng tiêu chuẩn đất nông nghiệp của bố mẹ và tiếp tục quản lý số tiền 25.000.000 đồng đã nhận để giao lại cho anh H6; nhất trí để anh L tiếp tục sử dụng số tiền được bồi thường đã quản lý và có trách nhiệm trả lại anh N di sản của ông K được hưởng; anh L không phải trả chênh lệch tài sản.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và người liên quan bà C trình bày sự thừa nhận của bị đơn đã có căn cứ xác định cụ Tựu và cụ Định chết không có di chúc nên di sản được chia theo luật đo đó đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giao bà S đại diện cho các chị em được sử dụng ruộng của bố mẹ tại xứ đồng C T cùng số tiền đã nhận để giao lại cho anh H6, anh L được sử dụng số tiền đền bù đã nhận và có trách nhiệm trả anh N phần di sản của ông K; không yêu cầu anh L phải trả chênh lệch giá trị di sản đã nhận.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhưng trong quá trình giải quyết chưa đưa chồng bà B tham gia tố tụng, chưa có quan điểm của anh H6 và bà L, thời điểm chết của ông H9 còn chưa thống nhất và chưa xác định thời điểm nhận tiền của bà S đồng thời Tòa án đã Ủy thác điều tra lấy lời khai của anh N, chị D nhưng chưa có kết quả ủy thác điều tra nên cần khắc phục bổ sung

thêm để có căn cứ giải quyết vụ án theo quy định do vậy chưa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Đỗ Xuân L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V, anh Đỗ Xuân H3, anh Đỗ Xuân H4, anh Đỗ Xuân H5, chị Phạm Thị B và chị Phạm Thị D đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị Đ, bà Đỗ Thị B, bà Đỗ Thị H, bà Nguyễn Thị H1, anh Đỗ Xuân N, anh Nguyễn Văn Q và chị Đỗ Thị D1, chị Đỗ Thị H2, chị Đỗ Thị L1, chị Đỗ Thị N1, và chị Nguyễn Thị Q1 đều đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Đỗ Thị S khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế nên theo khoản 5 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân là quan hệ "Tranh chấp về thừa kế tài sản" do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa thấy quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo đưa thêm người tham gia tố tụng là bà Hà Thị L1 và chị Phạm Thị D1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời anh H6 và bà L1 đều không có tin tức địa chỉ mặc dù đã được thông báo tìm kiếm nên quan điểm cần ghi ý kiến là không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 65 Bộ luật dân sự và Án lệ số 06/2016/AL; mặt khác chồng bà Đỗ Thị B là ông Nguyễn Văn T2 đã chết năm 1980 nên không thể tham gia tố tụng, và cung cấp của Ủy ban nhân dân xã Yên Phú đã có đủ căn cứ xác định ông Đỗ Xuân H9 chết ngày 01 tháng 10 năm 2002. Các bên đều không có tranh chấp hoặc phản đối số tiền 25.000.000 đồng anh L nhờ Ủy ban nhân dân xã quản lý đã được Ủy ban nhân dân xã Y P giao lại cho bà S nên theo khoản 2 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự việc xác định thời điểm nhận tiền là không cần thiết. Mặc dù chưa có kết quả Ủy thác điều tra nhưng ngày 12 tháng 12 năm 2018 anh Đỗ Xuân N và chị Đỗ Thị D1 đã có đơn đề nghị Tòa án xử vắng mặt được Công an xã P H, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xác nhận cùng văn bản trình bày ý kiến chứng tỏ anh N, chị D1 đã biết về việc giải quyết vụ án nên việc trình bày ý kiến của anh, chị là quyền và nghĩa vụ của đương sự do vậy không cần phải đợi kết quả ủy thác điều tra. Những nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị khắc phục là không cần thiết nên Tòa án sẽ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Các đương sự không có tranh chấp về thời điểm mở thừa kế, và phù hợp với cung cấp của Ủy ban nhân dân xã Y P nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự có đủ căn cứ xác định cụ Phạm Thị Đ1 chết ngày 21 tháng 02 năm 1995 và cụ Đỗ Xuân T1 chết ngày 23 tháng 4 năm 1996; Ông Đỗ Xuân K

chết ngày 22 tháng 4 năm 1980, ông Đỗ Xuân H10 chết ngày 10 tháng 5 năm 1994, bà Đỗ Thị B chết ngày 28 tháng 5 năm 1996 và ông Đỗ Xuân H9 chết ngày 01 tháng 10 năm 2002 do vậy yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Xuân Tựu và cụ Phạm Thị Định của bà Đỗ Thị Sứ là trong thời hiệu yêu cầu chia di sản theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự.

[3] Nguyên đơn, bị đơn và người liên quan đều công nhận cụ Đỗ Xuân T1 và Phạm Thị Đ1 được chia hai tiêu chuẩn đất nông nghiệp là thửa đất số 1xx, tờ bản đồ số 1x, diện tích đất 501m^2 xứ đồng K và thửa đất số 3xx, tờ bản đồ 0x, diện tích 347m^2 xứ đồng C T đều ở thôn T H, xã Y P. Diện tích đất nông nghiệp tại xứ đồng K năm 2010 đã bị thu hồi cho dự án Trường Hải Quan Việt Nam và được đền bù số tiền 112.600.000 đồng sau đó đã giao anh Đỗ Xuân L số tiền gốc và lãi 90.978.000 đồng, và giao bà Đỗ Thị S số tiền 25.000.000 đồng. Do vậy có đủ căn cứ xác định di sản của cụ Đỗ Xuân T1 và cụ Phạm Thị Đ1 là số tiền 115.978.000 đồng và diện tích 347m^2 đất nông nghiệp tại đồng C T giá trị 104.100.000 đồng; tổng cộng giá trị di sản là 220.078.000 đồng.

[4] Xét quan điểm của anh Đỗ Xuân L về việc cụ Đỗ Xuân T1 và cụ Phạm Thị Đ1 có di chúc cho bố anh (ông Đỗ Xuân H9) đất nông nghiệp thấy Tòa án đã thông báo yêu cầu anh L giao nộp di chúc nhưng anh L không giao nộp theo yêu cầu trong khi quá trình giải quyết số tiền đền bù đất nông nghiệp, ngày 09 tháng 11 năm 2010 Ủy ban nhân dân xã Y P đã kết luận xác định di chúc không hợp pháp đề nghị phân chia tài sản theo pháp luật và sau đó khi nhận tiền đền bù anh L cũng giao một phần tiền cho anh Đỗ Xuân H6 và ký cam kết chấp hành nếu sau này có quyết định thay thế đối với số tiền được nhận; Đồng thời tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cùng ngày 18 tháng 7 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Y P, anh L đã công nhận các chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và xác định không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác. Anh L không cung cấp di chúc mà không có lý do trong khi ngày 24 tháng 01 năm 2014 cũng xác định "di chúc đó không có người làm chứng, không có chứng thực của UBND xã, hiện tại di chúc không còn giá trị pháp lý… đề nghị Tòa án chia di sản của ông bà nội tôi theo quy định của pháp luật" và anh Đỗ Xuân H3 cung cấp " Tòa án cho tôi biết mẹ tôi là bà V và anh L có nói đến di chúc của cụ T1 tặng cho bố tôi Đỗ Xuân H9 ruộng. Tôi khẳng định không có di chúc này, tôi chưa bao giờ được biết gì về bản di chúc" nên theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Đỗ Xuân T1 và cụ Phạm Thị Đ1 theo quy định tại Điều 650 Bộ luật dân sự.

[5] Về người thừa kế và hàng thừa kế: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có tranh chấp về hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế và phù hợp với chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ nên có đủ căn cứ xác

định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Thị Đ1 và cụ Đỗ Xuân T1 theo điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự là bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị B, ông Đỗ Xuân K, bà Đỗ Thị S, ông Đỗ Xuân H9, bà Đỗ Thị Đ, bà Đỗ Thị C, ông Đỗ Xuân H10, bà Đỗ Thị B và bà Đỗ Thị H mỗi người được hưởng phần di sản bằng nhau theo quy định tại khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự.

Ông Đỗ Xuân K và ông Đỗ Xuân H10 đều chết trước người để lại di sản là cụ Phạm Thị Đ1 và cụ Đỗ Xuân T1 nên theo Điều 652 Bộ luật dân sự: "Trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống;…" do đó các con của ông Đỗ Xuân K là chị Đỗ Thị L1, chị Đỗ Thị D1, anh Đỗ Xuân N, chị Đỗ Thị H2 và chị Đỗ Thị N1 sẽ được hưởng phần di sản của ông K; con của ông Đỗ Xuân H10 là Đỗ Xuân H6 được hưởng phần di sản của ông H10. Do chị L1, chị D1, chị H2 và chị N1 đều không nhận phần di sản được hưởng và xác định giao cho anh N nên sẽ giao phần di sản của ông Đỗ Xuân K cho anh Đỗ Xuân N. Anh Đỗ Xuân H6, chưa có vợ con cùng mẹ là bà Hà Thị L2 năm 2015 đã được thông báo tìm kiếm trên Đài tiếng nói Việt Nam và Báo Nhân dân nhưng hiện nay không xác định được tin tức, địa chỉ nên theo khoản 2 Điều 65 Bộ luật dân sự " Trường hợp không có những người được quy định tại khoản 1 Điều này thì Tòa án chỉ định một người trong số những người thân thích của người vắng mặt tại nơi cư trú quản lý tài sản; nếu không có người thân thích thì Tòa án chỉ định người khác quản lý tài sản" và án lệ số 06/2016/AL ngày 06 tháng 4 năm 2016 Tòa án sẽ giao di sản được hưởng của anh H6 cho người khác quản lý để sau này giao lại khi có yêu cầu. Do bà Đỗ Thị S đang quản lý số tiền đền bù đất nông nghiệp của cụ Phạm Thị Đ1 và cụ Đỗ Xuân T1 mà anh L đề nghị Ủy ban nhân dân xã Y P quản lý để giao lại cho anh H6, và các đương sự đều không đề nghị giải quyết đối với việc bà S quản lý phần di sản giao cho anh H6 nên sẽ giao bà Sứ tiếp tục quản lý phần di sản là số tiền 25.000.000 đồng để giao lại cho anh H6 khi có yêu cầu.

Ông Đỗ Xuân H9 chết ngày 01 tháng 10 năm 2002 không có di chúc nên theo Điều 651 Bộ luật dân sự hàng thừa kế thứ nhất của ông H9 là bà Nguyễn Thị V và bốn con là Đỗ Xuân L, Đỗ Xuân H3, Đỗ Xuân H4 và Đỗ Xuân H5 sẽ hưởng phần di sản ông H9 được hưởng nếu còn sống, nhưng do bà V cùng các anh H3, H4 và H5 đều xác định để lại di sản được hưởng cho anh L nên sẽ giao phần di sản được hưởng của ông Đỗ Xuân H9 cho anh Đỗ Xuân L.

Bà Đỗ Thị B chết ngày 28 tháng 5 năm 1996, có chồng là ông Nguyễn Văn T2 đã chết năm 1980 nên hàng thừa kế thứ nhất là anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Q1 sẽ hưởng phần di sản của bà B, do anh Q từ chối nhận di sản và chị Q1 cho bà C phần di sản được hưởng nên sẽ giao bà Đỗ Thị C phần di sản của bà Đỗ Thị B.

Quan điểm của bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị Đ, bà Đỗ Thị C, bà Đỗ Thị B và bà Đỗ Thị H đều đề nghị giao phần di sản được hưởng cho bà Đỗ Thị S là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu được chia di sản bằng hiện vật là đất nông nghiệp của bà Đỗ Thị S thấy: Chị Phạm Thị D1 không đề nghị đưa vào tham gia tố tụng nhưng Tòa án đã đưa chị tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vì thấy việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi của chị nhưng chị D1 đều vắng mặt và ngày 15 tháng 5 năm 2019 đã có văn bản ủy quyền tham gia tố tụng cho chồng là anh Đỗ Xuân L nên Tòa án sẽ căn cứ quan điểm của anh Đỗ Xuân L để giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Đỗ Xuân L không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế vì xác định di sản là đất nông nghiệp đã được cụ Đỗ Xuân T1 cho bố anh nên mặc dù anh L cùng bà Nguyễn Thị V, anh Đỗ Xuân H3 và chị Phạm Thị B1 đều không yêu cầu công sức quản lý và chi phí cho việc bảo quản di sản của cụ Đ1 và cụ T1 nhưng xét yêu cầu không chia di sản thừa kế của anh L về xác định quyền lợi là lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức quản lý và chi phí cho việc bảo quản di sản nên theo án lệ số 05/2016/AL ngày 06 tháng 4 năm 2016 sẽ tính công sức quản lý di sản và chi phí cho việc bảo quản di sản để thanh toán trả anh L theo quy định của pháp luật. Xét thực tế anh L đã được hưởng lợi tức từ việc quản lý di sản của cụ T1 và cụ Đ1 là số tiền 90.978.000 đồng từ năm 2011 nên sẽ không xác định công sức quản lý và chi phí cho việc bảo quản di sản của anh L đối với diện tích đất nông nghiệp đã bị thu hồi tại đồng K, và tính công sức quản lý cùng chi phí cho việc bảo quản di sản của anh L đối với diện tích đất nông nghiệp tại đồng C T bằng 1/10 giá trị đất là 10.410.000 đồng (300.000 đồng/m^2 x 347m^2 : 10) nên giá trị di sản chia thừa kế của cụ Đỗ Xuân T1 và cụ Phạm Thị Đ1 là 209.668.000 đồng (115.978.000 đồng + 104.100.000 đồng - 10.410.000 đồng). Theo quy định tại khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự "Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau" nên phần di sản được hưởng của mỗi người cùng hàng thừa kế thứ nhất là 20.966.800 đồng do đó trị di sản giao bà Sứ là 171.767.600 đồng (20.966.800 đồng x 7 + 25.000.000 đồng); giá trị di sản giao anh N là 20.966.800 đồng và giá trị di sản giao anh L sẽ bị trừ đi phần di sản giao anh H6 nhiều hơn giá trị được hưởng là 4.033.200 đồng (25.000.000 đồng - 20.966.800 đồng) nên giá trị di sản cùng công sức quản lý, chi phí cho việc bảo quản di sản giao anh L là 27.343.600 đồng (20.966.800 đồng + 10.410.000 đồng - 4.033.200 đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, khi hòa giải bị đơn anh Đỗ Xuân L xác định sẽ giao lại diện tích đất nông nghiệp của T1 và cụ Đ1 cho anh Đỗ Xuân N quản lý, sử dụng trong khi anh N không cư trú tại địa phương và các thừa kế khác đều thống nhất giao di sản cho bà S nên sẽ giao cho anh L tiếp tục quản lý, sử dụng số tiền đã nhận 90.978.000 đồng và giao bà Đỗ Thị S diện tích đất nông nghiệp của cụ Đỗ Xuân T1 và cụ Phạm Thị Đ1 tại đồng C T giá trị 104.100.000 đồng, và số tiền đền

bù thu hồi đất nông nghiệp 25.000.000 đồng đã quản lý, sử dụng từ năm 2011 cùng các tài sản do anh Long tạo lập trên đất là tường bao giá trị 14.730.000 đồng, 311 cây quất giá trị 25.830.000 đồng; tổng giá trị tài sản giao bà Sứ là 169.660.000 đồng chưa bằng giá trị di sản được hưởng nhưng do bà S đã được hưởng lợi tức từ số tiền 25.000.000 đồng đã quản lý từ năm 2011 và tại phiên tòa bà S, bà C cũng không yêu chia chênh lệch giá trị tài sản nên sẽ không buộc anh L phải trả chênh lệch giá trị di sản được hưởng nhưng sẽ buộc anh L phải trả anh N phần di sản ông Đỗ Xuân K được hưởng.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự bà Đỗ Thị S, bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị Đ, bà Đỗ Thị C, bà Đỗ Thị B và bà Nguyễn Thị V đều là người cao tuổi nên không phải chịu án phí do vậy bà S chỉ phải chịu án phí tương ứng với phần di sản mà người thừa kế thế vị của bà Đỗ Thị B được hưởng, và phần di sản bà Đỗ Thị H được hưởng cùng giá trị di sản giao anh Đỗ Xuân H6 tổng cộng là 66.933.600 đồng; Anh Đỗ Xuân N phải chịu án phí đối với phần di sản được hưởng 20.966.800 đồng; anh Đỗ Xuân L không phải chịu án phí đối với phần di sản bà Nguyễn Thị Vũ được hưởng là 4.193.360 đồng (20.966.800 đồng : 5) và phần di sản phải trả anh Đỗ Xuân N 20.966.800 đồng nên phần tài sản anh L phải chịu án phí là 65.105.040 đồng (90.978.000 đồng - 20.966.800 đồng - 4.193.360 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 623, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 651, Điều 652, khoản 2 Điều 65; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự. Khoản 4 Điều 91, điểm c khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 96, khoản 2 Điều 227, khoản 2 và 5 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Đỗ Thị S đối với di sản của cụ Đỗ Xuân T1 và cụ Phạm Thị Đ1 là đất nông nghiệp tại thửa số 3xx, tờ bản đồ số 0x, diện tích 347m^2 địa chỉ đồng C T, thôn T H, xã Y P, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên giá trị 104.100.000 đồng và số tiền đền bù thu hồi đất nông nghiệp tại thửa đất số 1xx, tờ bản đồ 1x, diện tích 501m^2 thuộc đồng K, thôn T H, xã Y P, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên là 115.978.000 đồng; tổng cộng giá trị di sản là 220.078.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu không trăm bẩy mươi tám nghìn đồng).

[2] Xác nhận cụ Phạm Thị Đ1 chết ngày 21 tháng 02 năm 1995 và cụ Đỗ Xuân T1 chết ngày 23 tháng 4 năm 1996 đều không có di chúc.

[3] Xác nhận ông Đỗ Xuân K chết ngày 22 tháng 4 năm 1980, người thừa kế thế vị của ông Đỗ Xuân K là chị Đỗ Thị L, chị Đỗ Thị D, anh Đỗ Xuân N, chị Đỗ Thị H2 và chị Đỗ Thị N1.

Xác nhận ông Đỗ Xuân H9 chết ngày 01 tháng 10 năm 2002, hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ Xuân H9 là bà Nguyễn Thị V và anh Đỗ Xuân L (tên gọi khác Đỗ Ngọc L), anh Đỗ Xuân H3, anh Đỗ Xuân H4 và anh Đỗ Xuân H5.

Xác nhận ông Đỗ Xuân H10 chết ngày 10 tháng 5 năm 1994, người thừa kế thế vị ông Đỗ Xuân H10 là anh Đỗ Xuân H6. Xác nhận anh Đỗ Xuân H6 và mẹ là bà Hà Thị L2 không có tin tức, địa chỉ.

Xác nhận bà Đỗ Thị B chết ngày 28 tháng 5 năm 1996, hàng thừa kế thứ nhất của bà Đỗ Thị B là anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Q1.

[4] Xác nhận anh Đỗ Xuân L (còn có tên gọi khác là Đỗ Ngọc L) xây tường bao và trồng cây 311 cây quất trên diện tích đất nông nghiệp diện tích 349m^2 thuộc tờ bản đồ số 0x, thửa số 3xx, đồng C T thôn T H, xã Y P, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên giá trị 39.160.000 đồng (Ba mươi chín triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

[5] Thanh toán công sức quản lý và chi phí cho việc bảo quản đất nông nghiệp của cụ Đỗ Xuân T1 và cụ Phạm Thị Đ1 cho anh Đỗ Xuân L bằng 1/10 giá trị đất nông nghiệp 347m^2 tại đồng C T, thôn T H là 10.410.000 đồng (Mười triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

[6] Giá trị di sản chia thừa kế của cụ Đỗ Xuân T1 và cụ Phạm Thị Đ1 là 209.668.000 đồng (Hai trăm linh chín triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

[7] Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đỗ Xuân T1 và cụ Phạm Thị Đ1 là bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị B, ông Đỗ Xuân K, bà Đỗ Thị S, ông Đỗ Xuân H9, bà Đỗ Thị Đ, bà Đỗ Thị C, ông Đỗ Xuân H10, bà Đỗ Thị B và bà Đỗ Thị H được hưởng phần di sản bằng nhau giá trị 20.966.800 đồng (Hai mươi triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

Công nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn Q không nhận di sản được hưởng của bà Đỗ Thị B và chị Nguyễn Thị Q1 cho phần di sản của bà Đỗ Thị B được hưởng cho bà Đỗ Thị C.

Công nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị Đ, bà Đỗ Thị C, bà Đỗ Thị B và Đỗ Thị H cho bà Đỗ Thị S phần di sản được hưởng, phần di sản được hưởng của bà Đỗ Thị S giá trị 146.767.600 đồng.

Giao bà Đỗ Thị S quản lý phần di sản giao cho anh Đỗ Xuân H6 là 25.000.000 đồng để giao lại cho anh Đỗ Xuân H6 khi có yêu cầu. Tổng giá trị tài sản giao bà Đỗ Thị S là 171.767.000 đồng (Một trăm bảy mươi mốt triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Công nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị D, chị Đỗ Thị H2, chị Đỗ Thị L và chị Đỗ Thị N1 không nhận phần di sản được hưởng của ông Đỗ Xuân K; giao anh Đỗ Xuân N phần di sản của ông Đỗ Xuân K giá trị 20.966.800 đồng (Hai mươi triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

Công nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị V, anh Đỗ Xuân H3, Đỗ Xuân H4 và Đỗ Xuân H5 không nhận phần di sản được hưởng của ông Đỗ Xuân H9; Giao anh Đỗ Xuân L phần di sản của ông Đỗ Xuân H9 nhưng được trừ đi giá trị di sản giao anh Đỗ Xuân H6 nhiều hơn giá trị di sản được hưởng 4.033.200 đồng, giá trị di sản thừa kế giao anh Đỗ Xuân L là 16.933.600 đồng (Mười sáu triệu chín trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm đồng).

[8] Phân chia di sản bằng hiện vật:

8.1. Giao anh Đỗ Xuân L tiếp tục quản lý, sử dụng số tiền 90.978.000 đồng (Chín mươi triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

8.2. Giao bà Đỗ Thị S tiếp tục quản lý số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng); đất nông nghiệp tại thửa số 3xx, tờ bản đồ số 0x, diện tích 347m^2, và tạm giao đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân xã Y P quản lý, diện tích 02m^2, địa chỉ thửa đất: đồng C T, thôn T H, xã Y P, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên có kích thước phía Bắc giáp đất nông nghiệp bà Đỗ Thị B 42,2m, phía Đông giáp hành lang sông đồng quê 10,4m, phía Nam giáp đất nông nghiệp ông Tạ Hữu Đ2 44,4m và phía Tây giáp đất nông nghiệp bà Đỗ Thị B 8,9m (có sơ đồ kèm theo); tường bao xây gạch ba vanh và 311 cây quất trồng trên đất.

8.3. Anh Đỗ Xuân L trả anh Đỗ Xuân N; địa chỉ cư trú: R'C x, xã P H, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng giá trị di sản được hưởng là 20.966.800 đồng (Hai mươi triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

8.4. Bà Đỗ Thị S có trách nhiệm giao lại cho anh Đỗ Xuân H6 (con ông Đỗ Xuân H10) số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) khi có yêu cầu.

8.5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[9] Công nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị S không yêu cầu anh Đỗ Xuân L trả chênh lệch tài sản.

[10] Án phí: Bà Đỗ Thị S phải chịu 3.346.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.815.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 011966 ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ, hoàn trả bà S số tiền chênh lệch 469.000 đồng.

Anh Đỗ Xuân N phải chịu 1.048.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đỗ Xuân L phải chịu 3.255.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Áp dụng khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự thời hạn kháng cáo đối với bản án của đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Đương sự;
- VKSND huyện Yên Mỹ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRƯƠNG QUANG TÚ